TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày: 29-5-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Bà Lê Thị Linh Khuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Thạch I Ran, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng K, sinh ngày 01/01/1996; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chúc T (đã chết) và bà Lê Thị Thùy T1; vợ: không có; con 02 người lớn nhất sinh năm 2020 và nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: 02 tiền án (Ngày 26/5/2022 bị Toà án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2023; ngày 31/01/2024 bị Toà án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, tuyên phạt 02 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/6/2025); tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/10/2025 đến ngày 30/10/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam T - Trại tạm giam số 3, Công an tỉnh V cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Anh K1**, sinh năm 1998 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Hoàng B**, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc O**, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/10/2025 tại nhà của bị cáo thuộc ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long, có Đặng Gia L, sinh năm 2000, cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Chí T2, sinh ngày 10/01/1991, cư trú tại ấp M, xã M, Thành phố Cần Thơ và Nguyễn Thị Ngọc O, sinh ngày 11/12/1996, cư trú tại ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long và con của O đến nhà bị cáo chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, O điện thoại nhờ Lê Hoàng B đến nhà bị cáo để đưa O và con của O về nhà. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi bị cáo, T2 và L ngồi chơi ở khu vực nhà sau, L rủ bị cáo và T2 đi tìm tài sản lấy trộm thì bị cáo và T2 đồng ý. Sau đó, B đến nhà bị cáo bằng xe mô tô, không rõ biển số thì L hỏi mượn xe mô tô chở bị cáo đi ra khỏi nhà được một đoạn thì xe hết xăng nên bị cáo và Bửu dẫn xe quay lại trả xe cho B. Đồng thời, B gọi điện cho chồng của O là Lê Công M, sinh năm 1999, cư trú ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long lấy xăng đến cho B. Sau đó, M điều khiển xe mô tô đem xăng đến cho B rồi chở O và con của O đi về nhà. Lúc đó, L nói với B "Chở tôi với K ra đầu đường một cái", nhưng B không biết đi đâu, còn T2 điều khiển xe đạp chở L ngồi sau, B điều khiển xe mô tô chở bị cáo ngồi sau, dùng chân đẩy xe đạp của T2 đang chở L cùng đi ra Quốc lộ E. Khi đến khu vực trước cổng chùa T3, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, L kêu B dừng xe lại và nói "Đứng đây đợi năm mười phút đi rồi chở tôi về", T2 điều khiển xe đạp chở L đi tiếp đến quầy thuốc tây Minh A tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Anh K1 làm chủ.

Khi T2 chở L đến quầy thuốc tây Minh A quan sát thấy không có ai nên vẫy tay gọi bị cáo đến rồi L đưa cho bị cáo 01 (một) thanh kim loại, có chiều dài khoảng 60cm, cạy phá hỏng ổ khóa treo phía dưới, bên ngoài cửa kéo, còn T2 và L đứng dùng tay kéo hai cánh cửa sang hai bên, tạo ra khoảng trống để bị cáo chui vào, bị cáo tiếp tục dùng tay mở thêm một cánh cửa nhôm chỉ đóng kín, không khóa. Khi vào bên trong, bị cáo phát hiện có camera an ninh nên bị cáo rút dây nguồn điện của hệ thống camera và đến tủ nhôm kính tìm kiếm tài sản trong các ngăn tủ, bị cáo lấy được số tiền 100.000 đồng, còn L lấy được 01 (một) máy tính xách tay (NB) HP 240 G9 (6L1X7PA), kèm theo 01 (một) bộ dây nguồn. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo và L đi ra ngoài, T2 điều khiển xe đạp đi một mình về nhà của bị cáo, còn bị cáo và L đi bộ đến chổ B, bị cáo kêu B điều khiển xe mô tô chở bị cáo ngồi giữa, L ngồi sau đi về nhà của bị cáo. Khi

B chở bị cáo và L về đến nhà bị cáo thì B điều khiển xe mô tô đi về, còn L đem máy tính xách tay vừa lấy trộm được để trên ghế nhựa bên trong khu vực nhà sau, riêng T2 điều khiển xe đạp về đến nhà bị cáo thì bị cáo đưa số tiền 100.000 đồng vừa lấy trộm cho T2 đi mua đồ ăn. Sau khi ăn xong, T2 điều khiển xe đạp đi khỏi nhà của bị cáo, còn L ở lại nhà của bị cáo đến khoảng 08 giờ ngày 26/10/2025, L để lại máy tính xách tay và 01 (một) bộ dây nguồn đã lấy trộm được rồi đi khỏi nhà của bị cáo.

Riêng chị Nguyễn Thị Anh K1 đến khoảng 06 giờ ngày 26/10/2025, chị K1 đến quầy thuốc tây của mình thì phát hiện bị cạy cửa và bị mất trộm tài sản nên chị K1 đã trình báo Công an xã T xác minh, điều tra làm rõ.

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn Trọng K đã thừa nhận cùng với Đặng Gia L và Nguyễn Chí T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Anh K1 như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) máy tính xách tay (NB) HP 240 G9, trị giá là 5.433.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.533.000 đồng, trong đó có số tiền 100.000 đồng.

Đối với Đặng Gia L, Nguyễn Chí T2 sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bỏ địa phương, cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa làm việc được nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Lê Hoàng B, qua làm việc thừa nhận có chở bị cáo đến chùa T3 nhưng không biết việc bị cáo, L và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đồng thời, các chứng cứ thu thập chưa đủ cơ sở để xử lý đối với Lê Hoàng Bửu . Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Về vật chứng thu giữ gồm:

Bị cáo Nguyễn Trọng K giao nộp 01 (một) máy tính xách tay (NB) HP 240 G9 (6L1X7PA), kèm theo 01 (một) bộ dây nguồn có dãy số 9869373008 và mã vạch ký hiệu CT: WATLF0AE7XA115.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Nguyễn Thị Anh K1 01 (một) máy tính xách tay (NB) HP 240 G9 (6L1X7PA), kèm theo 01 (một) bộ dây nguồn có dãy số 9869373008 và mã vạch ký hiệu CT: WATLF0AE7XA115

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường nữa.

Tại cáo trạng số: 10/CT-VKSKV12 ngày 12 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng K về tội *"Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 và khoản 5 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2025.

Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đã giải quyết xong, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Trọng K tranh luận: Bị cáo thấy mức án Kiểm sát viên đề nghị với bị cáo là nặng, vì bị cáo đã hối hận về hành vi của mình nên bị cáo đã tự thú và tự nguyện giao nộp tài sản, bị cáo đã thành khẩn khai báo và bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ, xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Trọng K nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình gây ra nên bị cáo đã tự thú và tự nguyện giao nộp tài sản trả bị hại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình để chăm lo cho gia đình. Để bị cáo sửa đổi sai lầm làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận vào khoảng 23 giờ ngày 25/10/2025 tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo cùng Đăng Gia L1 và Nguyễn Chí T2 đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại chị Nguyễn Thị Anh K1 là một cái máy tính xách tay (NB) HP 240 G9 (6L1X7PA), kèm theo một bộ dây nguồn và tiền mặt là 100.000 đồng, với tổng giá trị tài sản là 5.533.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiển sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng; phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 23 giờ ngày 25/10/2025, tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại chị Nguyễn Thị Anh K1 là một cái máy tính xách tay (NB) HP 240 G9 (6L1X7PA), kèm theo một bộ dây nguồn và tiền mặt là 100.000 đồng, với tổng giá trị tài sản là 5.533.000 đồng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp khi đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025. Tuy nhiên do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, nên hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[3] Đối với Đặng Gia L, Nguyễn Chí T2 đã bỏ địa phương, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

[4] Đối với Lê Hoàng B chưa đủ cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[5] Cho nên Cáo trạng số 10/CT-VKSKV12 ngày 12/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tình tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tiền án, không có tiền sự, nên bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Về tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo tự thú và tự nguyện giao nộp tài sản trả bị hại; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi của mình gây ra. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1 của Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và cũng nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa đổi sai lầm sau khi chấp hành án xong để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân, hưởng lợi ích bất hợp pháp. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khỏe đáng lẽ ra bị cáo phải tìm việc làm phù hợp để tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình. Bản thân bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích về tội "*Trộm cắp tài sản*" nên trong thời gian chấp hành án bị cáo đã được giáo dục về hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nếu tiếp tục vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo xem thường pháp luật nên tiếp tục trộm cắp tài sản của bị hại. Hiện nay, tình hình trộm cắp tài sản có

chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên một cách toàn diện, thận trọng để ra một Bản án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về vật chứng của vụ án: Đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị xử lý đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm g khoản 2 và khoản 5 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trọng K là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng của vụ án: Đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng K phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân